

Nghiên cứu của CEPR

Các tư tưởng và chính sách kinh tế đương đại: Đâu là thuốc trị bệnh, đâu là thuốc an thần ?^(*)

Ths. Đinh Tuấn Minh

E-mail: dinhtuanminh@yahoo.com

Tóm tắt

Nhà nước là vật cản lớn nhất của loài người trên con đường đến với tự do và thịnh vượng. Các nhà kinh tế tự do tiên bối đã nhận ra điều này từ thế kỷ XVIII. Kể từ đó dòng tư tưởng kinh tế cổ vũ vai trò của thị trường và loại bỏ dần vai trò của nhà nước trong đời sống kinh tế xã hội đã liên tục phát triển. Nhưng từ khi trị “bệnh” này, xuất hiện một dòng kinh tế “thuốc an thần”, làm cho dân chúng tin rằng một số hành động của nhà nước là hữu dụng hoặc vô hại. Tư tưởng kinh tế của Keynes cũng như của các dòng tư tưởng bắt nguồn từ Keynes sẽ hữu ích trong một số trường hợp nếu như chúng ta nhận thức được rõ ràng rằng chúng đơn thuần chỉ là các ‘liều thuốc an thần’ cho nền kinh tế trên con đường loại trừ các định chế nhà nước. Còn nếu không, chúng sẽ gây hại cho quá trình này. Việc xác định đúng đắn vị trí của các dòng tư tưởng kinh tế trong mối quan hệ với nhà nước sẽ giúp cho các nhà kinh tế và các nhà hành động tránh được những tranh cãi không cần thiết cũng như có thể sử dụng nhịp nhàng các công cụ kinh tế trên con đường loại trừ các định chế nhà nước.

Quan điểm được trình bày trong bài nghiên cứu này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của CEPR.

^(*) Bài tham luận đọc tại Trung tâm Văn hóa Pháp, 24 Tràng Tiền, Hà Nội, ngày 12/12/2008 nhân dịp ra mắt cuốn *Tư tưởng kinh tế đương đại kể từ Keynes* của Michel Beaud và Gilles Dostaler, Nguyễn Đôn Phước dịch, NXB Tri thức ấn hành.

Mục lục

Tóm tắt.....	1
Mục lục	2
1. Dẫn nhập.....	3
2. Bản chất của Nhà nước	4
3. Bài toán lưỡng nan trong việc thay thế các định chế nhà nước bằng các định chế thị trường	7
4. Vị trí của các lý thuyết kinh tế đối với Nhà nước.....	10
5. Một số lưu ý cuối cùng	14
Tài liệu tham khảo	16

1. Dẫn nhập

Cho tôi bắt đầu bài tham luận của mình về các tư tưởng kinh tế hiện đại bằng một quan sát nghiệp dư liên quan đến cách chữa các chứng bệnh nguy hiểm trong y học. Khi gặp phải một chứng bệnh nguy hiểm hoặc gây đau đớn cho người bệnh, các thầy thuốc có xu hướng sử dụng song song cả thuốc an thần và thuốc trị bệnh. Thuốc an thần giúp cho bệnh nhân đỡ đau đớn, lo sợ, giảm thiểu những hành động tiêu cực, có thể khiến cho bệnh tình nặng thêm; trong khi đó, thuốc chữa bệnh có tác dụng kiềm chế hoặc loại bỏ căn nguyên gây ra chứng bệnh. Đối với nhiều loại bệnh nan y, các thầy thuốc có thể phải sử dụng nhiều loại thuốc an thần khác nhau để kiềm chế cơn bệnh, với mong muốn có đủ thời gian tìm kiếm loại thuốc trị bệnh phù hợp. Theo hiểu biết của tôi, hầu hết nếu không muốn nói là tất cả các thầy thuốc đều phân biệt được hai loại thuốc này và đều có ý thức sử dụng chúng một cách thích hợp, đúng liều lượng.

Tương tự cơ thể con người, nền kinh tế cũng có những căn bệnh của nó. Giống như các thầy thuốc, các nhà kinh tế cũng cố gắng tìm kiếm nguyên nhân của các căn bệnh kinh tế và các biện pháp khắc phục chúng. Các nhà kinh tế tự do tiền bối như Adam Smith, David Ricardo, Destutt de Tracy, và Karl Menger đã chỉ ra rằng nền kinh tế có khả năng tự vận hành để tạo ra của cải vật chất cho xã hội, và cái cản trở quá trình phát triển kinh tế không khác gì hơn là nhà nước với các chính sách can thiệp của nó như thuế khoá, hàng rào thương mại, và lạm phát tiền tệ. Trong một thời gian dài, vị trí của nhà nước trong nền kinh tế thường là tiêu cực hoặc trung tính. Các khuyến nghị kinh tế của những nhà kinh tế thực thụ trong suốt thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX luôn là nhà nước ít can thiệp vào nền kinh tế càng ít càng tốt. Tuy nhiên, kể từ khi cuốn *Lý thuyết tổng quát* của J. M. Keynes ra đời vào năm 1936, nhà nước bỗng dưng được tìm được một cơ sở khoa học tin cậy để xoay chuyển vị trí của mình sang vai trò tích cực. Như trình bày ở dưới đây, J. M. Keynes – một nhà đạo đức học thực thụ hơn là một nhà kinh tế học thực thụ – thực ra đã khám phá ra một loại “thuốc an thần” cho một số giai đoạn nguy hiểm của nền kinh tế. Tôi phải khẳng định rằng đây là một khám phá quan trọng trong lịch sử kinh tế học; nếu thiếu loại thuốc này, nền kinh tế trong những thời điểm nguy kịch có thể bị cuốn trôi trước khi chúng ta tìm ra được phương thuốc hữu hiệu để chữa trị cho nó. Rất tiếc là ông lại quá tham vọng và đề *lý thuyết* của mình là *tổng quát* – điều mà chính bản thân ông đã nghi ngờ vào những năm cuối đời – khiến cho các nhà kinh tế sau này đã không phân biệt được đâu là liệu pháp kinh tế có tính an thần và đâu là các liệu pháp kinh tế có tính trị bệnh. Họ có xu hướng tìm kiếm và sử dụng các loại thuốc thực chất chỉ có tính

an thần làm thuốc trị bệnh. Kết quả là, mặc dù họ giúp cho nền kinh tế hồi phục đôi chút trong ngắn hạn, nhưng lại gây ra những hậu quả ngày càng lớn trong dài hạn.

Sự nhầm lẫn giữa dòng các tư tưởng kinh tế ‘thuốc an thần’ và dòng các tư tưởng kinh tế ‘thuốc trị bệnh’, tức giữa một bên là dòng tư tưởng hướng tới việc loại bỏ hoặc thay thế các định chế nhà nước bằng các định chế thị trường và bên kia là dòng tư tưởng hướng tới việc làm cho dân chúng tin rằng một số hành động của nhà nước là hữu dụng hoặc vô hại đối với nền kinh tế, đã dẫn đến việc các nhà kinh tế thường hay bài bác, thậm chí phủ định, giá trị của các tư tưởng kinh tế của nhau. Điều này không những cản trở sự phát triển của kinh tế học mà còn gây ra những di họa tai hại cho xã hội khi những lý thuyết kinh tế này được sử dụng một cách thiếu cân trọng.

Bài viết này nhằm chỉ ra sự tồn tại của hai luồng tư tưởng kinh tế ‘thuốc an thần’ và tư tưởng kinh tế ‘thuốc trị bệnh’, qua đó xác nhận giá trị của chúng trong thực tiễn. Trong phần tiếp theo, tôi sẽ trình bày về bản chất của nhà nước. Tôi chỉ ra rằng nhà nước cần phải được xem như là một khối u di căn trong cơ thể con người. Nó chiếm một phần nền kinh tế lớn đến nỗi người ta có xu hướng coi nó như là một bộ phận không thể thiếu và từ đó đã có những nhầm lẫn về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế. Tiếp đến, tôi sẽ trình bày về bài toán lưỡng nan liên quan đến việc loại bỏ các thiết chế nhà nước ra khỏi xã hội. Giống như khối u di căn, việc loại bỏ các thiết chế nhà nước hoàn toàn có thể dẫn đến tê liệt nền kinh tế nếu như vị trí của các thiết chế này trong xã hội không được thay thế bởi các định chế thị trường hiệu quả. Trong phần 4, tôi sẽ thử phân loại các loại lý thuyết kinh tế đương đại vào hai nhóm ‘thuốc an thần’ và ‘thuốc trị bệnh’. Và cuối cùng sẽ là một số những lưu ý cho bối cảnh kinh tế hiện tại rút ra từ nội dung bài viết này.

2. Bản chất của Nhà nước

Nhà nước có bản chất là bộ máy độc quyền cai trị xã hội trong một phạm vi địa lý xác định. Nó là tổ chức duy nhất trong xã hội sống được nhờ cưỡng bức thay vì trao đổi tự nguyện.¹ Mức độ tàn bạo của nó lớn hơn bất kỳ một loại hình tổ chức tội phạm nào đã từng hiện diện trong xã hội loài người. Tuy nhiên, nhà nước tồn tại trong xã hội loài người lâu và rộng khắp đến nỗi người ta khó có thể nhận ra được bản chất tội tặc của nó. Trong quá khứ, nhà nước thường khoác lên mình tấm áo thần thánh để khẳng định vị trí cai quản dân chúng trên lãnh địa của mình. Ngày nay, nhà nước khoác lên mình các tấm áo “người bảo vệ lợi ích chung”,

¹ Xem Rothbard (2000[1974]): “the State is that organization in society which attempts to maintain a monopoly of the use of force and violence in a given territorial area; in particular, it is the only organization in society that obtains its revenue not by voluntary contribution or payment for services rendered but by coercion.”

“người chống lại bất công, đói nghèo”, “người bảo trợ cuối cùng” v.v. để khẳng định vị trí độc tôn của mình.

Để có thể lột được tấm mặt nạ nhân nghĩa của nhà nước chúng ta cần tìm hiểu những lý lẽ biện minh cho sự tồn tại của nhà nước. Có hai lý lẽ thuyết phục nhất để biện minh cho sự tồn tại của nhà nước: (i) nhà nước là người duy trì luật chơi trong xã hội, và (ii) nhà nước là người bảo vệ xã hội khỏi sự xâm lăng của các nhà nước/ xã hội khác (Nozick 1974, tr. 26; Mantzavinos 2001, tr. 133-34).² Lý lẽ thứ nhất xuất phát từ việc trong những xã hội lớn, các quan hệ hợp đồng tự nguyện giữa các cá nhân có thể bị một bên lợi dụng mà không phải chịu sự trừng phạt bằng các hình thức cộng đồng như trong các xã hội nhỏ. Để duy trì được các quan hệ hợp đồng này đòi hỏi trong xã hội lớn phải có một bên thứ ba có đủ quyền lực đứng ra bảo đảm. Bên thứ ba này cam kết sẽ trừng phạt một cách bất vụ lợi bất cứ bên nào lợi dụng bên kia. Nhờ có sự hiện diện của bên thứ ba này, các bên tham gia hợp đồng sẽ có xu hướng thực hiện đầy đủ các cam kết để tránh bị trừng phạt. Trật tự xã hội nhờ đó được duy trì. Lý lẽ thứ hai xuất phát từ việc một cộng đồng có thể bị cộng đồng khác xâm chiếm, cướp bóc. Để bảo vệ của cải của các thành viên cộng đồng, cộng đồng cần phải có một đội quân đủ mạnh sẵn sàng chiến đấu. Chỉ nhờ có sự hiện diện của đội quân này, cư dân trong cộng đồng mới có thể yên tâm làm ăn, tích trữ của cải. Do việc duy trì hai loại đại lý (agencies) này rất tốn kém, nên để khai thác tínhkinh tế nhờ qui mô của hoạt động cung cấp hai loại hình dịch vụ này, một tổ chức xã hội *độc quyền* với cái tên gọi là nhà nước xuất hiện.³

Không nghi ngờ gì, việc duy trì luật chơi trong xã hội cũng như bảo vệ xã hội khỏi sự cướp bóc của những lực lượng bên ngoài đều là những nhu cầu thiết yếu của một xã hội tự do. Tuy nhiên, lập luận từ sự cần thiết phải có các đại lý cung cấp các dịch vụ này đến cần một đại lý *độc quyền* cung cấp dịch vụ này là một nguy hiểm để biện minh cho sự tồn tại của nhà nước (Rothbard 1977, Rothbard 2000 [1974]). Dù rằng các đại lý bảo vệ xã hội được khách hàng của mình trao cho quyền được sử dụng các biện pháp cưỡng bức và bạo lực để duy trì trật tự xã hội cũng như bảo vệ xã hội khỏi sự xâm lăng của ngoại bang trong *một số trường hợp nhất định*, nhưng điều này không có nghĩa là khách hàng trao cho các đại lý này *quyền lực cưỡng bức vô hạn* lên mọi hoạt động của chính bản thân khách hàng. Lịch sử xã hội loài người cho

² Zonick (1974) đã bảo vệ sự tồn tại của hình thức nhà nước tối thiểu trong xã hội. Tuy nhiên, ông cũng chỉ ra rằng không có cơ sở biện minh cho một nhà nước vượt quá khung nhà nước tối thiểu, tức vượt quá chức năng duy trì trật tự và chống lại ngoại bang. Vì mục đích của bài luận, tôi không mở rộng việc bàn luận nhà nước ra ngoài hai chức năng quan trọng nhất này.

³ Có rất nhiều lý thuyết gia về nhà nước đã chỉ ra xu hướng hợp nhất các đại lý bảo vệ xã hội thành một tổ chức duy nhất. Tuy nhiên, Nozick (1974) là người được xem là nỗ lực nhất trong việc đưa ra lý thuyết chứng tỏ rằng cuối cùng thì một đại lý bảo vệ xã hội (protective agency) duy nhất sẽ xuất hiện từ sự cạnh tranh của các đại lý bảo vệ xã hội.

thấy các đại lý bảo vệ xã hội đã lạm dụng quyền lực cưỡng bức được khách hàng của mình giao phó để cưỡng ép khách hàng phải sử dụng chỉ các dịch vụ trật tự và bảo vệ của chúng. Hơn nữa, chúng còn lạm dụng quyền lực này để đi xâm chiếm các đại lý khác, nhằm mở rộng phạm vi quyền lực của mình. Những cuộc chiến triển miên giữa các đại lý bảo vệ xã hội (của một dân tộc hay một cộng đồng văn hoá) dẫn đến sự tồn tại của một nhà nước thống nhất nắm quyền cai trị độc tôn trên một vùng lãnh thổ. Sau khi có quyền lực cưỡng bức độc tôn rồi, nhà nước chẳng những không quay lại việc tự giới hạn mình vào hai chức năng cơ bản của các đại lý bảo vệ xã hội mà nó đã tiêu diệt. Nó còn mở rộng hoạt động sang mọi lĩnh vực của cuộc sống con người trên danh nghĩa “đảm bảo lợi ích công bằng cho mọi người”, mà thực chất là tùy tiện đặt ra các tiêu chuẩn, luật lệ để cưỡng bức người này phải giao nộp của cải cho người khác. Ngoài hai dịch vụ cơ bản là duy trì trật tự và bảo vệ xã hội khỏi sự xâm lăng của ngoại bang, hai lĩnh vực chí ít có thể biện minh cho sự tồn tại của nhà nước, thì bất cứ ở nơi nào nhà nước can thiệp vào, thì phần mất của xã hội luôn lớn hơn phần được mà nhà nước tạo ra. Không những thế những hứa hẹn bảo trợ của nhà nước còn khiến cho các cá nhân trở nên lười nhác, sống dựa dẫm, trông chờ vào sự ban phát ân huệ của người khác, thay vì trông chờ vào chính mình để đảm bảo cho cuộc sống của mình. Nhà nước vì thế không những chỉ phi tự do, mà còn cả phi kinh tế và phi đạo đức.⁴ Nhà nước đã thực sự bị biến dị hay ‘tha hoá’ khỏi chức năng muốn có ban đầu của đại lý bảo vệ xã hội.

Sinh hoạt chính trị dân chủ trong vài thế kỷ gần đây đã giúp cho chúng ta hạn chế bớt sự chuyên quyền của nhà nước. Tuy nhiên, dân chủ không loại bỏ được bản chất chuyên quyền độc đoán của nhà nước, dù rằng dân chủ vẫn là điều đáng muốn một khi nhà nước còn tồn tại, vì có lẽ, dân chủ vẫn là phương tiện hiệu quả nhất mà hiện tại loài người có để hỗ trợ việc loại bỏ dần các định chế nhà nước ra khỏi xã hội. Ngay cả trong chế độ dân chủ, nhà nước, với quyền lực độc tôn mà nó có được, sẽ tìm cách bảo vệ chính nó, tiếp tục mở rộng phạm vi can thiệp của nó vào tất cả những nơi mà sự tranh đấu vì tự do của các cá nhân bị suy yếu.

Loại bỏ các định chế nhà nước là một cuộc chiến trường kỳ của những người quý trọng tự do. Có lẽ, đối với xã hội loài người, nhà nước cần được xem như là một khối u di căn, vì giống như khối u, nó thoát thai từ xã hội, nhưng quay trở lại gây đau đớn cho xã hội, giống như khối u, nó luôn tìm cách bành trướng ra mọi lĩnh vực, và giống như khối u, nó chiếm giữ một phần khá lớn trong cơ thể xã hội. Và vì thế, giống như khối u, mặc dù gây đau đớn cho xã hội nhưng chúng ta lại không thể cắt bỏ nó ngay được.

⁴ Tham khảo Hayek (1976a), đặc biệt chương 9, để thấy tính phi kinh tế cũng như phi đạo đức của công bằng ‘xã hội’ theo nghĩa tái phân phối của cải vật chất trong xã hội bằng các hành động can thiệp của nhà nước.

3. Bài toán lưỡng nan trong việc thay thế các định chế nhà nước bằng các định chế thị trường

Nhận diện được bản chất phi tự do, phi kinh tế và phi đạo đức của nhà nước là một chuyện, việc thay thế các định chế nhà nước bằng các định chế thị trường lại là một chuyện khác. Như tôi ví von ở trên, nhà nước như là một khối u di căn, chiếm lĩnh một phần đáng kể trong cơ thể xã hội. Việc loại bỏ khối u này, nếu không khéo, có thể gây ra bạo loạn, làm tê liệt xã hội. Nhưng cũng như căn bệnh ung thư, không thể vì lý do này mà không tìm cách loại bỏ nó ra khỏi đời sống xã hội. Chính ở đây, vai trò của tư tưởng kinh tế ‘thuốc an thần’ đóng một vai trò nhất định: thuốc an thần có tác dụng làm dịu các cơn đau trong quá trình cắt bỏ khối u nhà nước ra khỏi xã hội.

Trong suốt thế kỷ XIX, cuộc đấu tranh chống lại uy quyền của nhà nước đã tạo ra được một nền tảng xã hội tự do rộng khắp ở phương Tây. Cuộc đấu tranh này đã đẩy các nhà nước phương Tây phải gây chiến với các nhà nước khác yếu thế hơn trên khắp phần còn lại của thế giới hòng duy trì được quyền lực nhà nước của mình. Nhưng ngay cả khi các nước phương Tây mở rộng thuộc địa của mình, thì cho tới tận đầu thế kỷ XX, tại các quốc gia này nhà nước vẫn chỉ chiếm khiêm tốn khoảng 10% GDP. Tuy nhiên, khi mô hình nhà nước toàn trị hình thành ở Đức và Nga, và khi mô hình nhà nước phúc lợi hình thành ở các nước phương Tây khác (để đối chọi lại với mô hình nhà nước toàn trị), thì con đường giải quyết các vấn nạn do nhà nước tạo ra đã bị ngưng trệ.⁵ Chỉ trong vòng vài chục năm, các nhà nước đã phình to, chiếm lĩnh mọi ngóc ngách của đời sống kinh tế xã hội. Vào thời điểm đỉnh cao của mình trong thập niên 1970, nhà nước đã nắm trọn gần như 100% đời sống kinh tế xã hội ở Liên Xô và các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và từ 35% đến 70% ở Mỹ và các nước Tây Âu.⁶

Với một di chứng như vậy, việc thay thế ngay tức thì các định chế nhà nước bằng các định chế thị trường là bất khả. Có hai nguyên nhân cản trở quá trình này. Thứ nhất, trong nhiều lĩnh vực cơ chế thị trường để thay thế cơ chế quản lý của nhà nước chưa sẵn có. Nó cần phải được thiết kế một cách cẩn thận trước khi đem ra ứng dụng. Cơ chế mới cần phải đảm bảo

⁵ Trong tác phẩm kinh điển *The Road to Serdom* (Đường về nô lệ) (1944), F.A. Hayek đã mô tả cho chúng ta thấy con đường tự do đã bị ngưng trệ và bị thay thế bởi con đường nô lệ như thế nào trong những năm đầu thế kỷ XX.

⁶ Cụ thể chi tiêu của chính phủ Mỹ dưới 10% trước thế chiến I. Không kể thời gian chiến tranh thế giới thứ I và II, chi tiêu của chính phủ Mỹ đã tăng liên tục từ mức khoảng 15% vào năm 1933 tới mức ổn định 29%-32% trong 3 thập niên gần đây (bảng 1.1, Hyman D. 2005). Ở châu Âu, chi tiêu của các chính phủ Tây Đức vào khoảng 15% trước thế chiến I, 25% giữa hai thế chiến, 35% trong những năm 1960, 48% năm 1975 và khoảng 50% vào các năm 1980-81. Chi tiêu của các chính phủ châu Âu khác như Thụy Điển, Hà Lan, Pháp, và Bỉ còn cao hơn nhiều so với chính phủ Đức.

rằng nó sẽ đem lại trật tự tương tự như trật tự mà nhà nước tạo ra nhưng với chi phí thấp hơn. Với các hoạt động mở rộng mà nhà nước chiếm lĩnh như các ngành công nghiệp (tài chính-ngân hàng, điện, viễn thông, giao thông, v.v.) hay các ngành dịch vụ có tính xã hội cao (bảo hiểm xã hội, giáo dục, y tế) thì việc thiết lập một cơ chế thị trường cho chúng không phải là một công việc có tính khả thi cao vì (i) nguồn cung và nguồn cầu của các dịch vụ này tách rời nhau, và (ii) trong các nền kinh tế phương Tây vẫn thường trực một lực lượng doanh nghiệp tư nhân đủ lớn để tham gia các lĩnh vực này. Trên thực tế, trong gần 30 năm trở lại đây, những lĩnh vực này lần lượt được nhà nước trao trả lại cho thị trường. Một lĩnh vực khác khó khăn hơn - lĩnh vực phát hành tiền tệ cho nền kinh tế - cũng có thể thiết kế được cơ chế thị trường để thay thế cho sự độc quyền của các ngân hàng nhà nước do nguồn cung và nguồn cầu của mặt hàng này tách rời nhau, do bản thân các nền kinh tế cũng vẫn sử dụng song song rất nhiều đồng tiền của nhiều nước khác nhau trong giao dịch, và do đồng tiền do tư nhân phát hành mới bị chấm dứt hoạt động vào đầu thế kỷ XX ở Mỹ.⁷ Trong thời gian gần đây, chủ đề này đã ngày càng nhận được sự quan tâm từ các nhà kinh tế không thuộc trường phái kinh tế Áo, và vì thế chúng ta có thể hy vọng về một sự đồng thuận về mặt học thuật giữa các trường phái kinh tế về đồng tiền do tư nhân phát hành trong tương lai gần.⁸ Nhưng với hai hoạt động cơ bản của nhà nước là quốc phòng và luật pháp thì việc tạo ra các hệ thống thị trường để thay thế là một công việc thực sự khó khăn vì bên cung cấp dịch vụ (các đại lý bảo vệ) lại được bên sử dụng dịch vụ trao quyền cưỡng bức chính mình trong một số các trường hợp. Về mặt lý thuyết, chúng ta đã có những lý thuyết gia tiên phong trong lĩnh vực này như Murray Rothbard, Bruce Benson và Hans-Hermann Hoppe^{9, 10}. Điểm cốt yếu trong các lý thuyết phi nhà nước về cung cấp dịch vụ an ninh và quốc phòng là tách hệ thống đại lý bảo vệ thành hai hệ thống: hệ thống bảo hiểm và hệ thống tác vụ. Các công ty trong hệ thống bảo hiểm tiếp xúc với dân chúng và thu các loại phí an ninh quốc phòng một cách cạnh tranh; còn các công ty trong hệ thống tác vụ đảm nhiệm các hoạt động chuyên môn về an ninh và quốc phòng theo yêu cầu và giám sát của các công ty trong hệ thống bảo hiểm. Nhờ sự tách biệt giữa hệ thống bảo hiểm và hệ thống tác nghiệp sự lạm dụng quyền lực như các đại lý bảo vệ trước đây sẽ có khả năng khống chế. Tuy nhiên, về mặt thực tiễn, làm thế nào để chuyển tiếp

⁷ Về mặt lý thuyết, F.A. Hayek là người đầu tiên đưa ra đề xuất để cho tư nhân tham gia vào việc cung cấp tiền tệ cho nền kinh tế. Xem F. A. Hayek 1976b.

⁸ Chẳng hạn xem các nghiên cứu của các tác giả thuộc FED như Weber and Smith 1999. Và các nghiên cứu khác như Cavalcanti, R., A. Erosa, and T. Temzelides 1999 và Trivoli G. 2007.

⁹ Về vấn đề quốc phòng tư nhân xem Hans-Hermann Hoppe (ed.) 2003. Đặc biệt bài của Hoppe, "Government and the Private Production of Defense" trong tác phẩm. <http://mises.org/etexts/defensemyth.pdf>.

¹⁰ Về hệ thống luật pháp tư nhân xem các bài viết tại <http://libertariannation.org/b/law1.htm>, đặc biệt bài của Bryan Caplan 1997, "The Economics of Non-State Legal Systems". Cũng xem Murphy 2002 và Hoppe 2006.

từ một xã hội do nhà nước cai quản sang một xã hội hoàn toàn dựa trên nguyên lý thị trường mà vẫn đảm bảo rằng những băng nhóm sử dụng vũ lực để tiến hành các hoạt động cưỡng bức không được phép, đặc biệt là lạm dụng sử dụng các loại vũ khí giết người hàng loạt sẵn có chắc chắn sẽ bị khống chế, làm thế nào để đảm bảo rằng cơ chế thị trường đủ mạnh để ngăn cản sự quay trở lại của nhà nước, và làm thế nào để đảm bảo rằng Vùng Đất Tự Do vừa được thiết lập sẽ không bị các quốc gia khác xâm chiếm. Để tiến được tới bước hiện thực hoá ý tưởng giải trừ hoàn toàn nhà nước, đòi hỏi cộng đồng nghiên cứu phải đưa ra được những dự án thực tiễn có tính thuyết phục cao đến từng chi tiết, từng tình huống tồi tệ nhất có thể tưởng tượng ra được trong quá trình chuyển đổi vì duy trì trật tự và quốc phòng là hai khía cạnh liên quan đến sinh mạng của con người.

Ngay cả khi chúng ta có lý thuyết và có đủ khả năng để thiết kế một hệ thống thực tiễn dựa trên nguyên lý thị trường để thay thế hệ thống nhà nước hiện tại thì một trở ngại rất khó vượt qua là tâm lý của dân chúng. Với cả đời sống trong xã hội bị nhà nước cai quản, đặc biệt những người được nhận đặc ân của nhà nước, người dân đã trở nên quá quen với sự bảo trợ của nhà nước. Bất kỳ sự thay thế nhà nước trong một lĩnh vực nào cũng đều đồng nghĩa với việc tước đi đặc ân mà một bộ phận dân chúng được hưởng từ nhà nước. Họ có thể gây bất ổn cho xã hội khi cuộc sống của họ bỗng dưng bị đảo lộn bởi vì họ không thích nghi được với đời sống kinh tế thị trường. Nếu như không làm yên lòng được những người bị “thiệt thòi” trong quá trình cải cách nhà nước thì lực lượng này sẽ chống đối lại công cuộc chuyển đổi và tìm cách tái dựng lại quyền lực nhà nước hòng tìm kiếm đặc ân cho mình.

Vì vậy, quá trình thay thế nhà nước là một quá trình đòi hỏi nhiều công sức và thời gian. Hay nói cách khác nhà nước vẫn tiếp tục tồn tại trong xã hội loài người trong một thời gian khá dài nữa. Trong quá khứ, một nhà nước thường bị thay thế bởi sự xâm chiếm của một nước khác hoặc bởi những cuộc cách mạng trong chính xã hội đó. Nhưng kết quả của sự thay thế lại không gì khác là một nhà nước mới. Việc thay thế các định chế nhà nước bằng các cơ chế thị trường rõ ràng là không thể làm theo cách bạo lực, vì nếu thế nó sẽ đi ngược lại bản chất hoà bình và tự nguyện của thị trường. Thế giới hiện đại cũng khó còn chỗ cho một thử nghiệm mô hình quản lý xã hội kiểu mới như nước Mỹ trước đây. Không còn lựa chọn nào khác, công cuộc loại bỏ các định chế nhà nước ngày nay bắt buộc phải tiến hành một cách hoà bình từ trong lòng của nó. Dựa trên các thủ tục dân chủ để thuyết phục xã hội là một quá trình gian nan. Trong một thời điểm, đặc biệt là trong những giai đoạn khủng hoảng (mà nguyên nhân không khác gì hơn là do chính nhà nước), các chính trị gia luôn tranh thủ tìm cách mở rộng phạm vi của nhà nước. Và một khi nhà nước được mở rộng ra thì phải mất một

thời gian đủ dài để có thể nhận ra đây là một sai lầm. Nhưng có lẽ đó là cách duy nhất để thay thế dần các định chế nhà nước bằng bằng các định chế thị trường. Theo thời gian, khi các định chế nhà nước càng thu nhỏ thì quyền lực của nhà nước cũng càng bị thu hẹp và quyền lực thị trường sẽ càng lớn mạnh, và người dân sẽ càng ngày càng nhận ra được rằng thị trường chứ không phải nhà nước mới là phương tiện thực sự đảm bảo tự do và thịnh vượng cho họ.

Nhưng sự tiếp tục tồn tại của nhà nước trong một thời gian dài nữa đồng nghĩa với việc chúng ta vẫn cần phải có những lý thuyết giúp cho nhà nước vận hành một cách tốt nhất có thể trong giới hạn của nó. Đây là những lý thuyết sử dụng nhà nước làm công cụ tạo ra sự bình ổn tạm thời trong xã hội; những lý thuyết làm dịu đi các cơn khủng hoảng do chính nhà nước gây ra. Những lý thuyết này tựa như thuốc an thần giúp cho người bệnh quên đi rằng mình có khối u di căn trong người, thậm chí còn đồng hoá nó thành một bộ phận hữu ích trong cơ thể. Nói cách khác, mặc dù chúng ta nhận ra được rằng nhà nước là một thực thể xấu xa nhất trong xã hội nhưng chúng ta vẫn phải nuôi dưỡng nó để tìm cách loại trừ nó. Đây là tính huông tiến thoái lưỡng nan đối với căn bệnh nhà nước mà xã hội loài người mắc phải.

4. Vị trí của các lý thuyết kinh tế đối với Nhà nước

Trong khi dòng tư tưởng kinh tế thuộc trị bệnh vẫn phát triển xuyên suốt từ các nhà kinh tế tự do tiền bối như Adam Smith, David Ricardo, Destutt de Tracy, và Karl Menger thì dòng tư tưởng kinh tế thuộc an thần chỉ thực sự xuất hiện khi cuốn *Lý thuyết tổng quát* của J.M. Keynes xuất hiện. Keynes, một người đạo đức, am tường văn thơ, nghệ thuật, một người đầy lòng trắc ẩn trước nỗi đau của người dân châu Âu sau thế chiến I và của những người thất nghiệp trong cuộc đại suy thoái 1929-1933, một người nhiệt thành trong hành động cứu giúp người khác đã đi tìm một lý thuyết để biện minh cho thái độ và hành động của mình. Thực ra, trong các giai đoạn suy thoái, việc các chính phủ, do chịu sức ép từ các nhóm lợi ích trong xã hội, cứu trợ nhóm này hay nhóm khác là một chuyện không có gì đáng bàn. Nhưng việc Keynes muốn nâng các hành động chi tiêu của chính phủ thành lý thuyết kinh tế lại là một chuyện khác hẳn. Do bị phân tán sang quá nhiều lĩnh vực, Keynes, dù là một con người có trí tuệ tuyệt vời, chỉ am hiểu kinh tế học một cách khá hạn chế. Như nhận xét của F.A. Hayek, ngoài kinh tế học Marshallian, Keynes biết rất ít về các nhà kinh tế Áo như Karl Menger, von Wieser, von Mises và các nhà kinh tế Thụy Điển như Knut Wicksell.¹¹ Với những nỗ lực cao nhất có thể, Keynes đã đưa ra một lý thuyết kinh tế về mối quan hệ tương đối giản đơn và

¹¹ Xem Hayek 1978 [1966].

tính của các biến gộp (cho dù Keynes có đề cập đến các khía cạnh kỳ vọng và bất trắc) như tổng cầu, tổng đầu tư, tổng sản lượng của nền kinh tế. Có thể nói, ông là người đầu tiên đưa ra giả thuyết về sự tồn tại của các loại nguồn lực dư thừa, không được sử dụng trong xã hội do tâm lý sợ hãi của những người chủ sở hữu những nguồn lực ấy. Lý thuyết của ông đã xác lập một vị trí tích cực cho nhà nước trong vai trò người khơi thông các nguồn lực không được sử dụng trong xã hội. Theo lý thuyết này, thông qua chi tiêu của mình, nhà nước làm cho người dân bớt sợ hãi, khiến họ tiếp tục tiêu dùng, tiếp tục đầu tư, và do đó tạo ra nhiều công ăn việc làm cũng như của cải cho xã hội. Tuy nhiên, xét trên phương diện kinh tế, đây là một lập luận nguy hiểm. Trước hết, xét trên khía cạnh xây dựng lý thuyết, giả thiết các cá nhân bỏ hoang các nguồn lực (do yếu tố tâm lý) là một giả thuyết sai lầm. Nó khiến cho hệ thống giá cả trở thành thừa thãi, không có nghĩa lý (Hayek 1978:286). Tiếp đến, xét trên khía cạnh thực thi chính sách, thứ nhất, bản thân nhà nước không làm ra của cải vật chất; các khoản chi tiêu vượt quá mức duy trì chức năng đảm bảo an ninh và quốc phòng chỉ có thể được bù đắp bằng việc tăng thuế, bơm thêm tiền, hoặc vay nợ nước ngoài, mà rốt cục sẽ trở thành gánh nặng trút lên vai người dân. Thứ hai, các khoản chi đầu tư vượt quá mức của chính phủ không có gì đảm bảo là sẽ đem lại hiệu quả kinh tế bởi vì các khoản chi này được thực hiện bởi những công chức quan liêu chứ không phải là các doanh nhân. Và thứ ba, những khoản chi tiêu của người dân do bị chi tiêu của chính phủ kích thích sẽ bị đổ vào những nơi mà những công chức quan liêu muốn chứ không phải là thị trường muốn, và do đó, nguy cơ trở thành những khoản chi tiêu sai lầm là rất lớn. Tóm lại, tất cả những khoản chi tiêu của nhà nước theo kiểu này, xét về dài hạn, gần như chắc chắn gây ra tổn thất tuyệt đối cho nền kinh tế.¹² Điều duy nhất đúng của lý thuyết này là, khi nhà nước tăng chi tiêu của mình, thì chắc chắn sẽ có một bộ phận dân cư, những người nhận được ưu đãi từ các khoản chi tiêu đó sẽ trở nên vui mừng. Trên phương diện đó, trong một số trường hợp, có thể nói hành động chi tiêu của nhà nước có tác dụng là liều thuốc an thần cho bộ phận dân cư chịu “thiệt thòi” trong quá trình vận động của nền kinh tế. Nói ngắn gọn, Keynes là người phát minh ra liều thuốc an thần chứ không phải là thuốc trị bệnh cho nền kinh tế.

Tuy nhiên, ngay từ đầu Keynes không nhận ra được lý thuyết của mình thực ra chỉ là lý thuyết về thuốc an thần. Vì thế ông gọi lý thuyết của mình là lý thuyết kinh tế *tổng quát*. Nhưng có lẽ vào cuối đời Keynes là người nhận thức được rằng lý thuyết của ông có vẻ chỉ là lý thuyết thuốc an thần, chỉ có ý nghĩa trong thời kỳ khủng hoảng thập niên 1930, thời kỳ

¹² Độc giả có thể xem một phân tích đầy đủ nhất về những nguy hiểm của Keynes và những người theo keynesian trong Hazlitt (1959).

lòng người bất an, sẵn sàng nổi loạn và làm cách mạng, có thể đưa xã hội phương tây vào chủ nghĩa phát xít và cộng sản.¹³ Ý tưởng của ông về sự hữu dụng của nhà nước trong sự phát triển kinh tế cũng như việc ông không nhận ra được sự hạn chế của lý thuyết của mình đã, một mặt tạo ra một trào lưu nghiên cứu kinh tế mới – kinh tế học vĩ mô, nhưng mặt khác, cũng khiến cho các học trò của mình không nhận ra được vị trí các lý thuyết của họ trong đời sống xã hội.

Như vậy kể từ khi xuất hiện cuốn *Lý thuyết tổng quát* của Keynes, các tư tưởng kinh tế chia làm hai dòng – bắt chước việc các nhà kinh tế có nhận thức được điều này hay không – dòng kinh tế thuộc trị bệnh và dòng kinh tế thuộc an thần. Trong bảng dưới đây tôi phân loại các dòng tư tưởng kinh tế vào hai nhóm này. Dòng kinh tế thuộc trị bệnh hướng tới việc loại bỏ các định chế nhà nước bằng các định chế thị trường, trong khi dòng kinh tế an thần hướng tới việc làm cho dân chúng tin rằng một số hành động của nhà nước là hữu dụng hoặc vô hại đối với nền kinh tế. Trong mỗi dòng tư tưởng này, tôi cũng phân biệt mức độ ảnh hưởng nặng, nhẹ của chúng đối với nền kinh tế.

Cường độ \ Loại thuốc	<i>Trị bệnh</i>	<i>An thần</i>
<i>Nặng</i>	Kinh tế Áo.	Tổng hợp keynesian-tân cổ điển; kinh tế Keynesian mới; kinh tế hậu Keynesian; kinh tế tăng trưởng; kinh tế phúc lợi (vĩ mô).
<i>Nhẹ</i>	Kinh tế thể chế mới.	Kinh tế trọng tiền; kinh tế cổ điển mới; kinh tế chu kỳ kinh doanh thực.

Bảng phân loại các tư tưởng kinh tế đương đại theo mục đích ứng dụng của chúng trong mối quan hệ với nhà nước

Ghi chú: Bảng phân loại này không đề cập đến sự phát triển của các phương pháp nghiên cứu trong kinh tế học. Trong lịch sử kinh tế đương đại chúng ta thấy có các phương pháp tiếp cận các vấn đề kinh tế như phương pháp praxeo, phương pháp phân tích so sánh, phương pháp lý thuyết trò chơi, phương pháp thí nghiệm, phương pháp cân bằng chung, phương pháp cân bằng từng phần, phương pháp kinh trắc, phương pháp sử dụng bảng đầu vào-đầu ra, phương pháp mô phỏng tính toán, v.v. Mỗi một trường phái thường sử dụng một số các phương pháp đặc trưng nhất định (chẳng hạn trường phái Áo sử dụng phương pháp praxeo, trường phái kinh tế thể chế mới sử dụng phương pháp phân tích so sánh v.v.). Tuy nhiên, có nhiều phương pháp được nhiều trường phái

¹³ Xem Hayek, *ibid.*, p. 287. Trong cuốn *Tư tưởng kinh tế kể từ Keynes*, Beaud và Dostaler cũng lưu ý đến khía cạnh này tại các trang 99 và 143.

cùng khai thác sử dụng (chẳng hạn hầu hết các trường phái kinh tế vĩ mô đều sử dụng phương pháp cân bằng chung và phương pháp kinh tế vi mô).

Trường phái kinh tế Áo được xếp vào ô *trị bệnh-hạng nặng* do tính triệt để và nhất quán của nó trong việc loại bỏ các định chế nhà nước ra khỏi đời sống kinh tế xã hội. Trường phái kinh tế thể chế mới được xếp vào ô *trị bệnh-hạng nhẹ* do trường phái này cho rằng có thể thay thế định chế nhà nước bằng định chế thị trường nhưng trong một số trường hợp nhất định sử dụng định chế nhà nước sẽ đỡ chi phí hơn định chế thị trường. Các trường phái kinh tế gắn chặt với Keynes như Tổng hợp keynesian-tân cổ điển, kinh tế keynesian mới, kinh tế hậu keynesian và hai nhánh kinh tế tăng trưởng và kinh tế phúc lợi (vĩ mô) được xếp vào nhóm *an thần-hạng nặng* vì tất cả các lý thuyết này đều cho rằng cơ chế thị trường luôn có những “mặt trái” hoặc “thất bại”, đòi hỏi phải có nhà nước can thiệp để làm giảm thiểu chúng. Và cuối cùng, các trường phái kinh tế trọng tiền, kinh tế cổ điển mới, và kinh tế chu kỳ kinh doanh thực được xếp vào nhóm *an thần-hạng nhẹ* vì tất cả các lý thuyết này đều chỉ ra rằng sự can thiệp tích cực của nhà nước vào thị trường đều không có tác dụng như nhà nước mong muốn – những lý thuyết này đều hướng đến việc nhà nước can thiệp vào thị trường thông qua những qui tắc rõ ràng để mọi chủ thể trên thị trường có thể điều chỉnh được các kế hoạch kinh tế của mình.

Phân loại các trường phái kinh tế của chúng ta ở trên chỉ ra một cách tương đối vai trò của từng trường phái trong việc giải quyết bài toán lưỡng nan liên quan đến nhà nước. Trường phái kinh tế Áo giúp chúng ta công cụ hình dung ra được thế giới tự do đáng muốn trong tương lai cũng như giúp chúng ta thấy được những hệ quả không như ý khi áp dụng các công cụ của các trường phái kinh tế khác. Trường phái kinh tế thể chế mới giúp cho chúng ta thiết kế được các định chế thị trường để thay thế dần các định chế nhà nước. Các trường phái kinh tế an thần-hạng nhẹ giúp cho chúng ta xây dựng các qui tắc để hạn chế sự can thiệp tùy tiện của nhà nước. Và các trường phái kinh tế an thần-hạng nặng giúp chúng ta xoa dịu sự phẫn uất của những nhóm người chịu thiệt thòi do các chính sách can thiệp của nhà nước cũng như do quá trình thay thế các định chế nhà nước gây ra. Một khi chúng ta hiểu được vị trí công dụng của từng nhóm tư tưởng kinh tế chúng ta có thể tránh được những tranh cãi vô bổ cũng như có thể kết hợp chúng một cách nhịp nhàng, tựa như các thầy thuốc biết sử dụng song hành cả thuốc trị bệnh và thuốc an thần, để đẩy nhanh quá trình giải thể các định chế nhà nước và xây dựng một cách bền vững một xã hội thực sự tự do và thịnh vượng cho loài người.

5. Một số lưu ý cuối cùng

Do thời gian có hạn nên cho phép tôi được tóm tắt lại đôi chút những gì tôi đã bàn luận ở trên trước khi đưa ra một số ngụ ý cuối cùng về tình hình kinh tế toàn cầu hiện nay. Tự do và thịnh vượng là mong ước lớn nhất của loài người trong suốt chiều dài lịch sử của mình. Rất tiếc rằng mong ước ấy đã bị một thực thể xã hội biến dị, tựa như những khối u di căn trong cơ thể con người, vốn rất đỗi quen thuộc với chúng ta – nhà nước – ngăn trở. Nhưng chỉ tới thế kỷ XVIII, nhờ công của các nhà kinh tế tự do tiền bối, chúng ta mới phát hiện ra được nhà nước chính là thủ phạm “ném đá giấu tay” cản trở mong ước của con người. Kể từ đó những nỗ lực hạn chế quyền lực của nhà nước liên tục được thực thi. Tuy nhiên tới đầu thế kỷ XX, con đường đến với tự do này đã bị gián đoạn bởi chủ nghĩa tập thể. Vào năm 1936, Keynes đã phát minh ra được liều thuốc an thần để cứu nguy cho phần còn lại của thế giới tự do ở phương Tây. Rất tiếc Keynes đã không ý thức ngay từ đầu được rằng ý tưởng của ông chỉ là thuốc an thần chứ không phải là thuốc trị bệnh, khiến cho nó bị các đồ đệ của mình áp dụng bừa bãi vào thực tế trong nhiều thập niên sau đó. Bài viết này xác lập lại vị trí lý thuyết của Keynes, các trường phái kinh tế chịu ảnh hưởng từ Keynes, và các trường phái kinh tế khác trên con đường giải trừ các định chế nhà nước. Tôi đã phân loại các tư tưởng kinh tế vào bốn nhóm dựa trên hai tiêu chí: mục đích sử dụng trong mối tương quan với nhà nước (thuốc trị bệnh và thuốc an thần) và mức độ tác động (hạng nặng hay hạng nhẹ). Những nhà nghiên cứu, những nhà thực hiện chính sách cần phải phân biệt rõ ràng vị trí của lý thuyết kinh tế mà mình theo đuổi hoặc ứng dụng. Chừng nào chúng ta còn nhầm lẫn vai trò của các loại tư tưởng này trong quá trình giải trừ các định chế nhà nước, chừng đó chúng ta còn gây họa cho xã hội thay vì trợ giúp xã hội.

Sự phân loại các tư tưởng kinh tế thành các nhóm kể trên có nhiều ý nghĩa trong thời điểm bước ngoặt của nền kinh tế toàn cầu hiện nay. Nền kinh tế thế giới đầu thế kỷ XXI đã đi được một bước dài trên con đường loại bỏ dần các định chế nhà nước. Hầu hết các lĩnh vực kinh tế đều đã được vận hành theo cơ chế thị trường ở những cấp độ khác nhau, kể cả những lĩnh vực khó khăn như điện lực hay bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội; sự lưu thông các yếu tố sản xuất như vốn và lao động cũng như của các thị trường hàng hoá đã rộng khắp toàn cầu. Tuy nhiên, con đường đến với tự do của nhân loại có thể lại bị gián đoạn một lần nữa bởi cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính toàn cầu hiện nay. Sự gián đoạn lần này, nếu xảy ra thì không phải là do sự hoảng loạn của dân chúng như trong thập kỷ 1930 mà là do sự mất phương hướng của các học giả, của các nhà kỹ trị trong lĩnh vực kinh tế. Nhận thức của dân chúng về vai trò của thị trường đã lớn hơn nhiều kể từ thập niên 1980, nhưng niềm tin vào thị trường của các học

giả thì có vẻ không được như vậy.¹⁴ Rất nhiều học giả vẫn chưa chịu chấp nhận rằng nguyên nhân của đợt khủng hoảng này là do các chính sách can thiệp của các nhà nước trên thế giới khiến cho cấu trúc tư bản (capital structure) toàn cầu bị méo mó; tiêu biểu trong số các chính sách can thiệp của nhà nước là các chính sách duy trì lãi suất chiết khấu thấp trong một thời gian dài của Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED), chính sách bảo lãnh các khoản cho vay dưới chuẩn của các tổ chức tài chính nhà nước như Freddie Mac (The Federal Home Loan Mortgage Corporation) và Fannie Mae (Federal National Mortgage Association), và chính sách neo tỷ giá quá lâu với đồng \$US của Trung Quốc để kích thích xuất khẩu. Họ vẫn nghĩ rằng đợt khủng hoảng này là do “nền kinh tế đã quá tự do”, và vì thế, họ vẫn cho rằng các chính sách “giải cứu” của nhà nước là để hiệu chỉnh lại các “sai lầm của thị trường” chứ không phải đơn thuần chỉ là các liều thuốc an thần để giúp một bộ phận dân chúng đỡ sợ hãi.¹⁵

Đây là thời điểm cần một cải cách lớn, rộng khắp trên toàn cầu để loại bỏ các định chế nhà nước chứ không phải là quay trở lại mở rộng bộ máy nhà nước. Như đã nói ở trên, niềm tin vào thị trường của dân chúng giờ đây đã cao hơn nhiều, và vì thế, có lẽ chúng ta không cần thiết phải sử dụng những liều thuốc an thần quá nặng; hãy để một bộ phận các doanh nghiệp bị phá sản nếu như chúng đã thực hiện những khoản đầu tư quá sai lầm trong quá khứ, và có lẽ chỉ nên sử dụng ngân sách nhà nước để trợ giúp một số người thực sự rơi vào hoàn cảnh khó khăn do suy thoái, chẳng hạn những người bị mất việc trong một thời gian tương đối dài. Điều quan trọng hơn là chúng ta cần phải nghĩ đến việc cải cách lại các định chế tài chính nhà nước như các ngân hàng nhà nước, các tổ chức bảo lãnh tín dụng của nhà nước, các định chế thương mại toàn cầu. Và cũng đã đến lúc chúng ta phải bắt tay vào việc xây dựng hệ thống tiền tệ do tư nhân phát hành cũng như hoàn thiện hệ thống bảo hiểm y tế và xã hội tư nhân nhằm giải quyết triệt để nguyên nhân gây ra các cuộc khủng hoảng kinh tế có thể xảy ra trong tương lai. Chúng ta cũng cần phải suy nghĩ nhiều hơn đến việc tạo dựng các hệ thống phòng chống hiểm họa thiên nhiên tư nhân, hệ thống luật pháp tư nhân và hệ thống quốc phòng

¹⁴ Phản ứng của các dân biểu Mỹ cũng như của một bộ phận khá lớn người dân Mỹ đối với kế hoạch bảo lãnh 700 tỷ USD của chính phủ Mỹ trong tháng 9-2008 đối với các công ty làm ăn thua lỗ thể hiện phần nào niềm tin vững chắc vào thị trường của người dân Mỹ.

¹⁵ Tiêu biểu là Paul Krugman, một nhà kinh tế vừa đoạt giải Nobel năm nay. Độc giả có thể xem các bình luận gần đây trên chuyên mục bình luận của ông tại tạp chí *The New York Time*. Chẳng hạn trong bài bình luận “Innovating Our Way to Financial Crisis” ngày 3/12/2007, Krugman cho rằng nguyên nhân của cuộc khủng hoảng là vì ngành công nghiệp tài chính đã phát minh ra quá nhiều loại hình dịch vụ mà không được nhà nước điều tiết. Trong bài bình luận “Let’s Get Fiscal” ngày 16/10/2008 ông thúc giục chính phủ mở rộng chính sách tài khoá để kích thích tiêu dùng và đầu tư công vì dân chúng không chịu tiêu dùng và đầu tư. Tư tưởng chính sách kinh tế Keynesian của ông được thể hiện rõ trong một cuốn sách kinh tế-chính trị của ông gần đây *The Conscience of a Liberal*(2007), tại đó ông nhấn mạnh chính sách kinh tế của chính phủ Mỹ trong thời gian tới là tiếp tục mở rộng an sinh xã hội cho toàn dân và giảm bất bình đẳng xã hội.

tư nhân để thay thế cho những định chế tương tự của nhà nước. Tôi tin rằng, nếu như chúng ta ý thức được vị trí của các tư tưởng kinh tế trên con đường giải trừ các định chế nhà nước và sử dụng chúng một cách hợp lý, thì có lẽ ngay trong thế kỷ XXI này chúng ta sẽ thấy được hình hài của một nền tự do phi nhà nước trên trái đất này.

Tài liệu tham khảo

Beaud và Dostaler 2008. *Tư tưởng kinh tế kể từ Keynes*. Nguyễn Đôn Phước dịch. NXB Tri Thức: Hà nội.

Cavalcanti, R., A. Erosa, and T. Temzelides 1999. "Private Money and Reserve Management in a Random-Matching Model," *Journal of Political Economy*, 107 (5).

Hayek F. A. 1944. *The Road to Serdom*. The University of Chicago Press: Chicago, USA.

Hayek F. A. 1976a. *Law, Legislation and Liberty: The Mirage of Social Justice*. The University of Chicago Press: Chicago.

Hayek F. A. 1976b. *Denationalization of Money*. The Institute of Economic Affairs: London, UK.

Hayek F.A. 1978 [1966]. "Personal Reflections of Keynes and the 'Keynesian Revolution'", in F.A. Hayek, *New Studies in Philosophy, Politics, Economics and History of Ideas*, Routledge and Kegan Paul: London.

Hazlitt H. 1959. *The Failure of the "New Economics": An Analysis of the Keynesian Fallacies*. D. van Nostrand Company, INC.: Princeton, NJ.

Hoppe H. (ed.) 2003. *The Myth of National Defense: Essays on the Theory and History of Security Production*. Ludwig von Mises Institute.

Hoppe H. 2006. "The Idea of a Private Law Society," <http://mises.org/story/2265>.

Hyman D. 2005. *Public Finance: A Contemporary Application of Theory to Practice, 8e*. Thomson South-Western: Mason, Ohio, USA.

Mantzavinos C. 2001. *Individuals, Institutions, and Market*. Cambridge University Press: Cambridge, UK.

Murphy R. 2002. *Chaos Theory: Two Essays on Market Anarchism*. RJ Communications LLC: New York. <http://mises.org/books/chaostheory.pdf>.

Nozick R. 1974. *Anarchy, State, and Utopia*. USA: Basic Books.

Rothbard M. 1977. "Robert Nozick and the Immaculate Conception of the State," *Journal of Libertarian Studies*, 1(1): 45-47.

Rothbard M. 2000 [1974]. "Anatomy of the State," in *Egalitarianism as a Revolt Against Nature and Other Essays* by Murray N. Rothbard (Auburn: Mises Institute), pp. 55-88.

Trivoli G. 2007. "Policy Failures of the Federal Reserve System and a Proposed Competitive Money System," *The Journal of Social, Political and Economic Studies*, 32(1).

Weber and Smith 1999. "Private Money Creation and the Suffolk Banking System", *Journal of Money, Credit and Banking*, 31(3), 624-59.



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH

LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (CEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà nội

Địa chỉ:

Phòng 704, Nhà E4,
144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy
Hà nội, Việt nam

Tel: (84) 4 3754 7506/ext 704 -714

Fax: (84) 4 3704 9921

Email: Info@cepr.org.vn

Website: www.cepr.org.vn